

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 – 5 – 2019  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Văn Năm

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến  
2. Ông Trần Văn Thoi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1983 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lương Đức T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc T trình bày:*

Chị và anh Lương Đức T thành hôn năm 2007 và đăng ký kết hôn ngày 02/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được 12 năm, đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có mối quan hệ với người phụ nữ bên ngoài. Chị phát hiện anh T có để một giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Ngọc Thùy Linh, sinh ngày 13/7/2000 trong bóp da của anh T dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau. Tháng 01/2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung, vợ chồng có 02 người con chung là cháu Lương

Đức M, sinh ngày 07/01/2008 và Lương Đức D, sinh ngày 27/10/2009 hiện anh T đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao hai con chung cho anh T nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 18 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Đức T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân và con chung. Anh xác nhận anh không có quan hệ bất chính với người phụ nữ bên ngoài. Giấy chứng minh nhân dân là anh T nhật được để tìm người đem trả. Anh vẫn còn tình cảm với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn, anh yêu cầu nuôi 02 con chung tên Lương Đức M, sinh ngày 07/01/2008 và Lương Đức D, sinh ngày 27/10/2009; không yêu cầu chị Thành cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Trương Thị Ngọc T và anh Lương Đức T, kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lương Đức T đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3]. *Về hôn nhân:* Chị T và anh T thành hôn có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Mặc dù, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình và Tòa án phân tích, động viên hòa giải hàn gắn tình cảm để đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Chị T và anh T có thời gian sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay không trở về đoàn tụ. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với anh T. Do đó, cho thấy đời sống chung giữa chị T và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T và anh T.

[3]. *Về con chung:* Chị T và anh T có 02 người con chung tên Lương Đức M, sinh ngày 07/01/2008 và Lương Đức D, sinh ngày 27/10/2009 hiện đều trên 07 tuổi. Tại bản tự khai ngày 18/02/2019 cháu M và cháu D có nguyện vọng sống với anh T nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi

dưỡng. Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trương Thị Ngọc T phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc T. Xử cho chị T ly hôn với anh Lương Đức T.

**2.** Về con chung: Giao con chung tên Lương Đức M, sinh ngày 07/01/2008 và Lương Đức D, sinh ngày 27/10/2009 cho anh Lương Đức T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Trương Thị Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị T, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị Ngọc T nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số No 0011585 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**6.** Vụ án được xét xử công khai. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Ủy ban nhân dân xã L – T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lâm Văn Năm**